TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3019/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:**

Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 450/2022/HNST ngày 04/03/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4032/2022/QĐXXST -HNGĐ ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị S (gọi tắt: bà S) trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn S (gọi tắt: ông S) tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 38HT, quyển 01 do UBND phường Ninh Thọ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp ngày 18/09/2001, có tổ chức đám cưới. Sau kết hôn vợ chồng sống tự lập, ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S có người có mối quan hệ khác, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không hiểu nhau, không còn sự quan tâm nhau. Tại Tòa án bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn S;

- Về con chung: Bà xác định có 02 con chung tên Nguyễn Hải N (Nam), sinh ngày: 18/08/2003, đã trưởng thành; Nguyễn Hải Y (Nữ), sinh ngày 29/05/2009. Sau ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu nội dung khởi kiện ly hôn với ông S. Đồng thời, xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Toà án, tại phiên tòa bà không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác, các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với bị đơn ông S đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào xác nhận của công an phường Tam Bình thì hiện ông S đang thực tế sinh sống tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;

- Bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn;

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 38HT, quyển 01 do Ủy ban nhân dân phường Ninh Thọ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp ngày 18/09/2001. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy, căn cứ vào theo trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong vụ án thì bà S và ông S kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà S là do ông S có người có mối quan hệ khác bên ngoài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 và không còn sự quan tâm nhau. Tại phiên tòa, bà S xác nhận tình cảm vợ chồng với ông S đã không còn, không còn sống chung

nên không thể hàn gắn được, việc bà yêu cầu ly hôn ông S có biết nhưng không hợp tác, trước khi xác định ly hôn bà cũng cố gắng khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn hôn nhân nhưng không thành. Quá trình xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng bà S kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông S. Đối với ông S, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần theo quy định pháp luật để tham gia phiên tòa nhưng ông vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào khác gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà S, điều này cho thấy ông S cũng không còn sự quan tâm, không thể hiện được có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà S.

Xét, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, cùng nhau chia sẽ, chung sống cùng nhau nhưng theo những gì đương sự trình bày cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông, bà hiện tại đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hiện đã sống ly thân nên tình nghĩa vợ chồng cũng không còn. Từ những nhận định trên và căn cứ vào lời đề nghị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận;

2.2. Về con chung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định con chung tên Nguyễn Hải N (Nam), sinh ngày: 18/08/2003 - đã trưởng thành và Nguyễn Hải Y (Nữ), sinh ngày 29/05/2009 là con chung của bà S và ông S. Tại phiên tòa, bà S xác định từ khi ly thân đến nay bà là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, bị đơn ông S không có ý kiến gì về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung chưa thành niên cho bà Sóng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét;

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn S.

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hải Y (Nữ), sinh ngày 29/05/2009 cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; con tên Nguyễn Hải N (Nam), sinh ngày: 18/08/2003 – đã trưởng thành;

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0026023 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà S đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Kim Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**